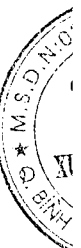


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3/2013
(CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

Ngày 30 tháng 09 năm 2013



Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301472704, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 08 năm 2005, và đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 05 tháng 06 năm 2013.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư, tư vấn đầu tư, dịch vụ vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính tại 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh và văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu/bỏ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu ngày 26 tháng 04 năm 2013
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch	Được bầu ngày 14 tháng 04 năm 2012 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013
Ông Michael Louis Rosen	Thành viên	Được bầu ngày 26 tháng 04 năm 2013
Ông Trần Đình Long	Thành viên	Được bầu ngày 26 tháng 04 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên	Được bầu ngày 26 tháng 04 năm 2013
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	Được bầu ngày 26 tháng 04 năm 2013
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	Được bầu lại ngày 26 tháng 04 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên	Được bầu lại ngày 26 tháng 04 năm 2013
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên	Được bầu ngày 14 tháng 04 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013
Ông Nguyễn Xuân Thủy	Thành viên	Được bầu ngày 12 tháng 04 năm 2008 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu/bỏ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng Ban	Được bầu ngày 26 tháng 04 năm 2013
Ông Bùi Văn Trường	Trưởng ban	Được bầu ngày 09 tháng 04 năm 2011 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	Được bầu ngày 26 tháng 04 năm 2013
Bà Nguyễn Thái Hạnh Linh	Thành viên	Được bầu ngày 26 tháng 04 năm 2013
Bà Tạ Thị Ngũ Linh	Thành viên	Được bầu ngày 09 tháng 04 năm 2011 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013
Bà Bùi Thanh Vân	Thành viên	Được bầu ngày 14 tháng 04 năm 2012 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013



Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THÔNG TIN CHUNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu/bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Michael Louis Rosen	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 05 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Khải	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 06 tháng 05 năm 2013
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 05 năm 2013
Bà Hà Thị Thanh Vân	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 06 tháng 05 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ông Nguyễn Văn Khải – Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền ký các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013.

172
NG
PH
NTH
VHT

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN)
ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 09 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		622.319.553.861	193.694.101.271
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	70.123.448.271	49.860.270.524
111	1. Tiền		31.571.699.902	14.157.439.736
112	2. Các khoản tương đương tiền		38.551.748.369	35.702.830.788
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	246.901.003.222	37.692.832.899
121	1. Đầu tư ngắn hạn		274.843.582.413	50.117.189.303
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(27.942.579.191)	(12.424.356.404)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	184.163.556.921	91.329.217.529
131	1. Phải thu khách hàng	7.1	113.567.349.210	39.915.402.531
132	2. Trả trước cho người bán	7.2	57.570.490.563	51.134.848.432
133	3. Phải thu nội bộ		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	8	13.750.048.528	416.431.473
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(724.331.380)	(137.464.907)
140	IV. Hàng tồn kho	9	102.949.567.660	10.270.528.354
141	1. Hàng tồn kho		117.195.801.783	10.395.198.872
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(14.246.234.123)	(124.670.518)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		18.181.977.787	4.541.251.965
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	2.321.561.183	873.333.743
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		10.722.483.958	86.195.631
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	995.015.078	995.015.078
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	12	4.142.917.568	2.586.707.513

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)

ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 09 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		282.552.569.683	175.604.939.831
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc (đối với Doanh nghiệp Nhà nước)		-	-
213	3. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
218	4. Phải thu dài hạn khác		-	-
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		66.364.985.447	18.011.526.993
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	51.121.794.532	17.995.526.993
222	Nguyên giá		121.098.454.599	37.480.714.139
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(69.976.660.067)	(19.485.187.146)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	Nguyên giá		-	-
226	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	15.243.190.915	16.000.000
228	Nguyên giá		16.593.006.576	104.197.649
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(1.349.815.661)	(88.197.649)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
241	1. Nguyên giá		-	-
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	15	148.413.739.942	149.866.168.254
252	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		144.639.223.144	133.482.005.906
258	3. Đầu tư dài hạn khác		4.698.000.000	17.198.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(923.483.202)	(813.837.652)
260	V. Tài sản dài hạn khác	17	44.861.188.560	2.829.664.938
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		41.719.078.244	808.106.998
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.659.169.268	1.763.368.292
268	3. Tài sản dài hạn khác		482.941.048	258.189.648
269	VI. Lợi thế thương mại	16	22.912.655.734	4.897.579.646
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		904.872.123.544	369.299.041.102

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)

ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 09 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		161.714.023.751	41.109.179.067
310	I. Nợ ngắn hạn		159.903.877.543	40.873.449.767
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	61.655.500.179	-
312	2. Phải trả người bán	19.1	16.180.509.800	4.349.497.899
313	3. Người mua trả tiền trước	19.2	518.649.374	99.276.387
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11; 20	10.425.307.138	5.508.266.663
315	5. Phải trả người lao động		41.745.046.507	24.946.402.511
316	6. Chi phí phải trả	21	684.050.000	155.868.626
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	22	22.143.130.811	1.976.397.442
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	124.806.879
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.551.683.734	3.712.933.360
330	II. Nợ dài hạn	23	1.810.146.208	235.729.300
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		235.729.300	235.729.300
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		143.448.158	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		1.430.968.750	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		554.149.809.540	326.355.998.094
410	I. Vốn chủ sở hữu	24.1	554.149.809.540	326.355.998.094
411	1. Vốn cổ phần	24.1	200.500.000.000	115.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	226.238.904.236	108.518.904.236
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu khác		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	24.5	6.905.188.560	6.905.188.560
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	24.5	6.944.978.901	6.944.978.901
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận chưa phân phối	24.1	113.560.737.843	88.486.926.397
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)

ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 09 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
432	1. Nguồn kinh phí		-	-
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	25	189.008.290.253	1.833.863.941
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		904.872.123.544	369.299.041.102

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

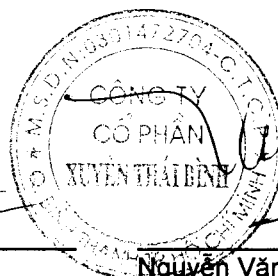
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30 tháng 09 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
1. Tài sản thuê ngoài (đồng Việt Nam)		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (đồng Việt Nam)		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược (đồng Việt Nam)		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)		90.730.000	90.730.000
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- Đô la Mỹ (US\$)		273.989,31	187,81
- Euro (EUR)		50,99	50,99
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án (áp dụng cho doanh nghiệp Nhà nước) (đồng Việt Nam)		-	-

Bài Xuân

Bùi Xuân Tường
Người lập bảng

Trần Anh Phương

Trần Anh Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2013

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN)
 cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
 (từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

Đơn vị tính: đồng

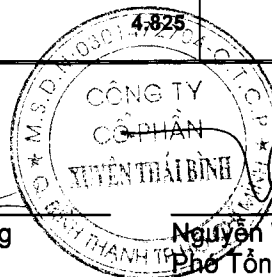
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
			Quý 3/2013	Quý 3/2012	Năm 2013	Năm 2012
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	224.253.413.653	69.905.850.425	428.167.504.684	205.030.667.880
02	2. Giảm trừ doanh thu	26.1	8.323.082.748	-	8.323.082.748	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	215.930.330.905	69.905.850.425	419.844.421.936	205.030.667.880
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	168.608.031.821	57.107.095.994	329.413.224.099	167.350.766.674
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		47.322.299.084	12.798.754.431	90.431.197.837	37.679.901.206
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	8.127.139.796	4.380.135.240	15.268.770.318	23.251.297.746
22	7. Chi phí tài chính	28	7.512.899.110	2.566.549.741	6.206.556.111	7.244.153.320
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.619.454.485	389.197	1.811.246.401	109.275.551
24	8. Chi phí bán hàng	29	10.703.044.643	1.086.997.994	15.880.770.238	2.702.150.710
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	11.902.921.295	6.913.423.951	36.601.104.394	21.449.179.899
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		25.330.573.832	6.611.917.985	47.011.537.412	29.535.715.023
31	11. Thu nhập khác	31	1.259.804.699	14.795.955	1.399.341.051	24.760.635
32	12. Chi phí khác	31	(54.634.908)	5.136.546	729.988.144	78.361.983
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	31	1.314.439.607	9.659.409	669.352.907	(53.601.348)
45	14. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết	15	551.538.361	50.301.384.747	6.979.859.168	50.301.384.747
50	15. Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		27.196.551.800	56.922.962.141	54.660.749.487	79.783.498.422
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32	4.525.982.721	1.246.106.491	10.536.482.970	7.086.132.163
52	17. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32	(344.673.258)	(44.087.270)	(674.457.956)	(41.268.838)
60	18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		23.015.242.337	55.720.942.920	44.798.724.473	72.738.635.097
61	18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	25	8.878.818.101	(13.545.165)	12.475.369.184	143.094.172
62	18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		14.136.424.236	55.734.488.085	32.323.355.289	72.595.540.925
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	719	4.825	1.857	6.349

Bùi Xuân Tường

Bùi Xuân Tường
 Người lập bảng

Trần Anh Phương

Trần Anh Phương
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải

Nguyễn Văn Khải
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2013

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

Đơn vị tính: đồng

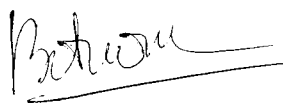
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		54.660.749.487	79.783.498.422
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	13; 14 7;9;6;	7.674.305.257	3.566.629.227
03	Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	15 26.2;	12.121.319.050	1.439.633.405
04		28	1.179.777.621	-
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	28	(6.672.196.117)	(64.128.593.279)
06	Chi phí lãi vay	28	1.811.246.401	109.275.551
	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		70.775.201.699	20.770.443.326
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(3.696.441.037)	(10.768.854.241)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(10.815.652.717)	(1.206.961.465)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(20.029.835.953)	6.724.995.179
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		3.117.140.464	(247.626.057)
13	Tiền lãi vay đã trả		(1.811.246.401)	(109.275.551)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(7.454.479.706)	(4.873.192.796)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	1.702.367.045
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(24.099.762.825)	(5.562.607.252)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		5.984.923.524	6.429.288.188
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác	13; 14	(11.462.924.185)	(506.294.346)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
	Tiền chi để mua các công ty con, trừ đi tiền thu về	6; 15	(293.632.578.712)	(79.709.626.768)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		34.336.011.025	42.838.288.306
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	26.2	12.792.489.294	13.644.421.132
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(257.967.002.578)	(23.733.211.676)

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

Đơn vị tính: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	24.1	202.720.000.000	17.174.104.956
32	Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số			
33	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
34	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	18		
35	Tiền chi trả nợ gốc vay		92.843.600.000	-
36	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(23.356.356.275)	-
40	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ, Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số			(10.548.060.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		272.207.243.725	6.626.044.956
50	Tăng/(giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		20.225.164.671	(10.677.878.532)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		49.860.270.524	68.186.738.232
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		38.013.076	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		70.123.448.271	57.508.859.700



Bùi Xuân Tường
Người lập bảng

Trần Anh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Khải
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 10 năm 2013

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301472704, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 08 năm 2005, và đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 05 tháng 06 năm 2013.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư, tư vấn đầu tư và dịch vụ vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính tại 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh, văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2013 là 4.967 người

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 4 công ty con và 2 công ty liên kết theo các nhóm ngành hoạt động như sau:

Nhóm các công ty con và công ty liên kết hoạt động trong ngành thủy sản:

- *Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (mã chứng khoán "ABT" tại HSX)*

Công ty con này là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3423/QĐ-UBND ngày 01/12/2003 của UBND tỉnh Bến Tre và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300376365 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 26 tháng 12 năm 2003. Công ty phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre có trụ sở chính tại Ấp 9 xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Công ty phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre là Sản xuất cá giống, nuôi trồng, chế biến, xuất nhập khẩu thủy sản.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, Công ty nắm 54,6% vốn lưu hành trong công ty con này.

- *Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (mã chứng khoán "AGF" tại HSX)*

Công ty liên kết này là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 792/QĐ-TTG ngày 28 tháng 06 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600583588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 05 năm 2009. Công ty phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang có trụ sở chính tại 1234 đường Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Hoạt động chính của Công ty phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre là Sản xuất cá giống, nuôi trồng, chế biến, xuất nhập khẩu thủy sản.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, Công ty nắm 20,2% vốn điều lệ trong công ty con này.

Nhóm các công ty con và công ty liên kết hoạt động trong ngành dịch vụ vệ sinh:

- *Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình*

Công ty con này là công ty trách nhiệm hữu hạn có một thành viên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309493985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 11 năm 2009. Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình có trụ sở chính tại 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình là dịch vụ vệ sinh công nghiệp.

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, Công ty nắm 100% vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

- *Công ty TNHH Liên Thái Bình*

Công ty con này là công ty trách nhiệm hữu hạn có một thành viên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100230134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 12 năm 2008. Công ty TNHH Liên Thái Bình có trụ sở chính tại Tầng 3 số 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty TNHH Liên Thái Bình là dịch vụ vệ sinh công nghiệp.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, Công ty nắm 100% vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

- *Công ty Cổ phần Thương mại Pan*

Công ty con này là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 03 năm 2008. Công ty Cổ phần Thương mại Pan có trụ sở chính tại 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thương mại Pan là thương mại.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, Công ty nắm 80% vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

- *Công ty Cổ phần Cơ điện Môi trường Lilama (Lilama EME)*

Công ty liên kết này là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6503000020 do Ban Quản lý kinh tế Dung Quất lần đầu ngày 25 tháng 07 năm 2007. Công ty Cổ phần Cơ điện Môi trường Lilama có trụ sở chính tại Khu dịch vụ công cộng, Khu Kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Môi trường Lilama là xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại, rác thải độc hại, rác thải y tế.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, Công ty nắm 21,41% vốn điều lệ trong công ty liên kết này.

Tính chất mùa vụ của hoạt động ảnh hưởng đến báo cáo

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi yếu tố mùa vụ.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính hợp nhất và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ của Tập đoàn là VNĐ

Tập đoàn ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và các báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013.

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

3.1.1 Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới trong các báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày trong Thuyết minh số 38.

Theo Thông tư 210, Tập đoàn phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phi phái sinh do Tập đoàn phát hành để xác định liệu công cụ đó có bao gồm cả thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Các thành phần này được phân loại riêng biệt là nợ phải trả tài chính, tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

3.1.2 Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái

Đối với các nghiệp vụ phát sinh và số dư có gốc bằng ngoại tệ (nếu có), cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013, Tập đoàn đã áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN số 10"). CMKTVN số 10 khác với Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201") hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá mà Tập đoàn đã sử dụng trong kỳ trước để hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá như sau:

Nghiệp vụ

Xử lý kế toán theo

CMKTVN số 10

Thông tư 201

Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được hoàn nhập trong năm tiếp theo.

Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của Tập đoàn bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh các năm sau. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong kỳ ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được Tập đoàn thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Tập đoàn thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Khoản đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính được hạch toán như khoản phải thu trên bảng cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong khoản thanh toán tiền thuê được ghi nhận trong kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê theo lãi suất cố định trên giá trị đầu tư thuần hiện có.

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên Bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh/ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

3.8 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

3.12 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

3.13 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của chín tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

3.16 Các khoản dự phòng

Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trợ cấp mất việc làm phát sinh từ nghĩa vụ liên đới khi Tập đoàn có kế hoạch chi tiết chính thức về việc tái cơ cấu và tạo nên kỳ vọng ở các đối tượng bị ảnh hưởng rằng Tập đoàn sẽ thực hiện việc tái cơ cấu thông qua việc triển khai kế hoạch đó hoặc thông báo các vấn đề chính cho các đối tượng bị ảnh hưởng. Dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo mức bằng một phần hai tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến 31 tháng 12 năm 2008.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 các Công ty trong Tập đoàn sẽ phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

hiếm thất nghiệp các Công ty trong Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

3.17 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“CMKTVN số 10”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong (các) kỳ trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh [trừ trường hợp các khoản chênh lệch này được vốn hóa như được trình bày trong đoạn dưới đây]

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế ở tài khoản vốn trên bảng cân đối kế toán. Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng, toàn bộ chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong các năm đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh được kết chuyển sang tài khoản chi phí trả trước trên bảng cân đối kế toán để phân bổ vào thu nhập hoặc chi phí hoạt động tài chính của các kỳ hoạt động kinh doanh tiếp theo với thời gian là 5 năm

Hướng dẫn về xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo CMKTVN số 10 nói trên khác biệt so với quy định trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái (“Thông tư 201”) như thuyết minh tại Thuyết minh 3.1.2

3.18 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

► Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

► Quỹ đầu tư và phát triển